TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN G** TỈNH ĐIỆN B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07-6-2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Tại.

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2024/TLST - HNGĐ ngày 26/02/2024 về: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 2000.

Địa chỉ thường trú: Bản Khong T, xã Mường Kh, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn K, sinh năm 1994

Địa chỉ thường trú: Bản Nậm C, xã Nà S, huyện Tuần G, tỉnh Điện B, vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2024, bản tự khai, nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị T và anh Quàng Văn K tìm hiểu nhau và sống chung với nhau từ tháng 12 năm 2016, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng đến ngày 28/01/2019 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nà S, huyện Tuần G, tỉnh Điện B. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2019, chị T phát hiện anh K sử dụng ma túy, nhiều lần bạo hành gia đình khiến chị rất sợ hãi, mặc dù đã được chị và gia đình khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi. Anh K đã đi cai nghiện bắt

buộc vào vào năm 2019 và đã từng bị xét xử theo Bản án số 76/2023 ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuần G với mức án 01 năm 01 tháng tù, hiện anh K đã về địa phương từ 07/02/2024 nhưng vẫn không bỏ được nghiện. Cho đến khoảng tháng 12/2020 do không thể chịu đựng được nữa nên chị T mới bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản Khong T, xã Mường Kh, huyện Tuần G, tỉnh Điện B. Từ đó đến nay anh chị không liên lạc, không quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Quàng Văn K

Về quan hệ con chung: Chị Lường Thị T và anh Quàng Văn K có 02 con chung là: Lường Thị L, sinh ngày 12/10/2017 và Quàng Thị Thu H; sinh ngày 11/8/2019, hiện nay hai cháu đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung: Chị T khai không có.

Về công nợ: Nợ phải trả, nợ lấy về: Chị T khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án ngày 26/02/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Quàng Văn K. Qua xác minh cho thấy: Anh K và chị T chung sống cùng bố mẹ anh K từ năm 2016 tại bản Nậm C, xã Nà S, huyện Tuần G. Sau khi đi cai nghiện và chấp hành án và trở về địa phương vào 07/02/2024 được một thời gian, song hiện nay anh K đang làm ăn tại Hà Nội, cụ thể làm việc ở đâu địa phương và gia đình không nắm được nên Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh K. Tòa án đã tiến hành tống đạt bằng hình thức niêm yết công khai các văn bản tố tụng, tống đạt trực tiếp cho ông Quàng Văn H là trưởng bản Nậm C, xã Nà S, huyện Tuần G, tống đạt cho bố đẻ anh K các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết các văn bản tố tụng anh Kiêm vẫn không có mặt nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Ngày 04/4/2024, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự song anh K vắng mặt không có lý do, Tòa án đã lập biên bản về sự vắng mặt không có lý do của anh K và tiến hành niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Cùng ngày 04/4/2024, chị Lường Thị T đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo mở phiên tòa xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo và đã niêm yết theo quy định của pháp luật song anh K vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa theo luật định.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị T giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật: Về thẩm quyền và trình tự thủ tục, Thẩm phán, thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận cho nguyên đơn chị Lường Thị T được ly hôn với bị đơn anh Quàng Văn K theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình: Giao hai cháu: Lường Thị L, sinh ngày 12/10/2017 và Quàng Thị Thu H, sinh ngày 11/8/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị Tún khai không có.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lường Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị Tún.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và địa chỉ của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Chị Lường Thị T và anh Quàng Văn K kết hôn vào ngày 28 tháng 01 năm 2019, đến thời điểm giải quyết, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực, do vậy Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

3. Về việc hoãn phiên tòa và xét xử vắng mặt đương sự: Ngày 20/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Tuần G mở phiên tòa xét xử song bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 07/6/2024, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt lần 2 không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K lấy nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân, tống đạt cho ông Trưởng bản Nậm C, xã Nà S, tống đạt cho bố đẻ anh K và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật để anh K thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự song anh K vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Anh K đã không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đã thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật, vi phạm các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh K đã tự từ bỏ các quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Ngày 04/4/2024, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 29/02/2024 tại bản Nậm C, xã Nà S, huyện Tuần G và theo bản án xét xử số 76/2023 ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuần G cũng đã thể hiện về nguyên nhân mâu thuẫn do anh K sử dụng ma túy đã đi cai nghiện bắt buộc và đã từng bị xét xử về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và bắt chấp hành án là nguyên nhân dẫn đến tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, chị Kiêm phải bỏ về sống cùng mẹ đẻ tại tại bản Nậm C, xã Nà S, huyện Tuần G từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa.

HĐXX xét thấy: Mặc dù anh K không có mặt tại Tòa án để thể hiện ý kiến quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân, song qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua quá trình Tòa án thu thập chứng cứ xác minh tình trạng hôn nhân, đủ cơ sở khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn do anh K không tu chí làm ăn cùng chị T, chăm lo xây dựng cuộc sống gia đình, sử dụng ma túy bị bắt chấp hành án khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng là có thật và đúng như lời khai của chị T. Mục đích hôn nhân là vợ chồng gần gũi, thương yêu chăm sóc, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau không có, quan hệ hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn với anh K cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Xét nguyện vọng về con chung và cấp dưỡng: Chị T, anh K 02 con chung là: Lường Thị L; sinh ngày 12/10/2017 và Quàng Thị Thu H; sinh ngày 11/8/2019, hiện nay đều do chị Tún trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Theo đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương thì chị T vừa làm ruộng vừa làm thuê với mức thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/1 tháng, chị T đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại bản Khong T, xã Mường Kh, huyện Tuần G có đủ điều kiện chăm sóc con chung. Anh K không có quan điểm gì về con chung trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên anh K đã tự từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét nguyện vọng của chị T, khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của chị T, Hội đồng xét xử quyết định: Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, quyết định giao hai cháu: Lường Thị L; sinh ngày 12/10/2017 và Quàng Thị Thu H; sinh ngày 11/8/2019 cho chị Lường Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị T không yêu cầu anh Kiêm phải cấp dưỡng nuôi con

chung

[6]. Về quan hệ tài sản: Chị T khai: Tài sản riêng, tài sản chung: Không có.

Về công nợ: Nợ phải trả, nợ lấy về: Chị T khai không có.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lường Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí và có đơn xin được miễn án phí, HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho nguyên đơn chị Lường Thị T được ly hôn với bị đơn anh Quàng Văn K.

2. **Về con chung:** Giao hai cháu: Lường Thị L; sinh ngày 12/10/2017 và Quàng Thị Thu H; sinh ngày 11/8/2019 cho chị Lường Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động, chị Lường Thị T không yêu cầu anh Quàng Văn K phải cấp dưỡng nuôi con chung

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung: Chị T khai không có.

Về công nợ: Nợ phải trả, nợ lấy về: Chị T khai không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị T.

5. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn chị Lường Thị T, bị đơn anh Quàng Văn K được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần G;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã Nà Sáy (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Đình H